

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cầm Thị Quyên.
2. Bà Vi Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tông Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST – HNGĐ, ngày 16/4/2024 về việc: Xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 24/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Y, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản K, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản K, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2024 và các tự khai nguyên đơn chị Lò Thị Y trình bày:

Chị và anh Lò Văn T kết hôn năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng tại bản Kéo Hin, xã P. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, do anh T chơi bời, không chịu tu chí làm ăn cùng vợ con, vợ chồng thường xuyên

cãi vã. Sự việc cũng đã được hai bên gia đình góp ý, khuyên giải nhưng anh **T** vẫn không thay đổi, sau đó anh **T** mắc tệ nạn ma túy và phải đi chấp hành án, chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh **Lò Văn T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 02 con chung là cháu **Lò Thị Thu T1**, sinh ngày 26/9/2009 và cháu **Lò Nhật Đ**, sinh 03/02/2012. Hiện đang sống cùng chị, chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc các cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con cùng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có và không kê khai, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập anh **Lò Văn T** hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định, anh **T** có đến Toà một lần, nhưng sau khi được hướng dẫn trình bày bản tự khai thì anh **T** không viết, Thẩm phán đề nghị lấy lời khai thì anh **T** không hợp tác và bỏ về buộc Toà án phải lập biên bản. Toà án đã tiến hành đến địa phương nơi anh **T** cư trú để tiến hành giao các văn bản tố tụng, nhưng anh **T** trốn tránh, không hợp tác. Do vậy, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Toà án huyện Sốp Cộp tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh **Lò Văn T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, chị **Y** đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh **T** và chị **Y** là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị **Lò Thị Y**, tuyên xử cho chị **Lò Thị Y** được ly hôn anh **Lò Văn T**.

- Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị **Lò Thị Y** giao cho chị **Y** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu **Lò Thị Thu T1**, sinh ngày 26/9/2009 và cháu **Lò Nhật Đ**, sinh 03/02/2012 đến khi trưởng thành, anh **T** phải cấp dưỡng theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị **Lò Thị Y** thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng:

- Bị đơn anh **Lò Văn T** có nơi cư trú tại **bản K, xã P, huyện S**. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo về thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị **Lò Thị Y** khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh **Lò Văn T**, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, chị **Lò Thị Y** vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi chị **Y** có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, anh **Lò Văn T** đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định, nhưng anh **T** gây khó khăn và cố tình trốn tránh. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lò Thị Y** và anh **Lò Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện S, tỉnh Sơn La** năm 2008. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống và trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị **Y** và anh **T** sống không hạnh phúc, anh **T** chơi bời rồi nghiện ma túy từng phải đi chấp hành án. Vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị **Y** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc cho chị **Y** ly hôn với anh **T** là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Y** và anh **T** có 02 con chung là cháu **Lò Thị Thu T1**, sinh ngày 26/9/2009 và cháu **Lò Nhật Đ**, sinh 03/02/2012, hiện đang sống cùng chị **Y**, chị **Y** có nguyện vọng nuôi các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, kể

từ khi chị **Y** và anh **T** ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu vẫn do chị **Y** thực hiện đúng như chị **Y** đã trình bày, con chung vẫn được chị **Y** chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ. Tại biên bản lấy lời khai hai cháu **Lò Thị Thu T1** và **Lò Nhật Đ** đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để các cháu có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị **Y**, tiếp tục để 02 con chung cho chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, Anh **T** có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị **Lò Thị Y** chưa yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lò Thị Y** xác nhận không có và không kê khai. Do đó, Tòa án không xem xét. Trường hợp anh **T** có ý kiến khác về tài sản chung, nợ chung thì sẽ khởi kiện ở vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị **Lò Thị Y** là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, khoản 1 Điều 228 các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Lò Thị Y** đối với anh **Lò Văn T**.

Xử cho chị **Lò Thị Y** được ly hôn anh **Lò Văn T**.

2. Về con chung: Giao các cháu **Lò Thị Thu T1**, sinh ngày 26/9/2009 và cháu **Lò Nhật Đ**, sinh 03/02/2012 cho chị **Lò Thị Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh **Lò Văn T** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị Y được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Các đương sự;
- UBND xã Púng Bánh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lường Văn Quyết

